

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ, ngày 28/6/2024,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023, gồm các chỉ tiêu cơ bản như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2023			Tỷ lệ hoàn thành Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ hoàn thành Hợp nhất (%)
			Công ty Mẹ	Công ty con	Hợp nhất		
I	Sản xuất điện	10 ⁶ kWh	461,1	26,11	487,21	122,3	120,8
II	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	439.916	32.988	472.904	111,5	111,1
1	Giá trị KD SP công nghiệp	10 ⁶ đ	431.334	32.790	464.124	109,4	109,1
2	Giá trị KD dịch vụ khác	10 ⁶ đ	8.582	198	8.780	4268,3	4367,1
III	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	407.956	30.559	438.515	113,8	113,3
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	137.642	7.063	144.705	103,4	106,1
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ					
	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	162.218	2.736	163.728	113,1	113,0
	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	129.641	1.509	130.170	113,0	112,0
4	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	1.009.908		1.016.533	112,4	113,1
5	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	689.986		689.986	100,0	100,0
IV	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ					

Điều 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024		
			Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	405.410	31.656	437.066
1	Giá trị SXKD điện	10 ⁶ đ	402.500	31.475	433.975
2	Giá trị SXKD khác	10 ⁶ đ	2.910	181	3.091
II	Các chỉ tiêu tài chính				
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	370.500	28.795	399.295
2	Lợi nhuận	10 ⁶ đ			
	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	155.600	1.500	157.100
	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	124.478	1.207	125.685
3	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	127.740	4.020	131.760
4	Tỷ suất lợi nhuận				
	Lợi nhuận cận biên (Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu)	%	42,0	5,2	
	ROA (LNST/VĐL)	%	18,0	1,6	
	ROE (LNST/VCSH)	%	12,2	2,3	
5	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	689.986	75.000	
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	1.022.500	52.418	
7	Dự kiến chi trả cổ tức	%	16		
III	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10⁶đ	2.000		2.000

Điều 3. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 (Như báo cáo đã trình bày tại Đại hội).

Điều 4. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 (Như báo cáo đã trình bày tại Đại hội).

Điều 5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

5.1 Báo cáo tài chính Công ty mẹ.

Trong đó, có một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	1.163.537.948.697
2	Vốn chủ sở hữu	1.009.908.080.401
3	Doanh thu thuần	400.448.887.795
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	162.218.038.408
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	129.641.759.060

5.2 Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong đó, có một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	1.348.496.808.705

2	Vốn chủ sở hữu	1.016.533.268.569
3	Doanh thu thuần	430.810.343.709
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	163.727.620.037
5	Lợi nhuận sau thuế	130.170.124.400
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	129.887.071.539

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	LNST thực hiện năm 2023 Công ty mẹ	129,641,759,060	
2	LNST chưa phân phối theo BCTC tổng hợp đến hết ngày 31/12/2023	140,429,205,769	
3	LNST thực hiện năm 2023 hợp nhất	129,887,071,539	
4	LNST chưa phân phối theo BCTC hợp nhất đến hết ngày 31/12/2023	137,451,301,536	
5	Lợi nhuận được phân phối năm 2023	137,451,301,536	
6	Trích lập các quỹ	9,751,000,000	
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của NLD	9,564,000,000	
	- Quỹ khen thưởng của Người Quản lý	187,000,000	
7	Lợi nhuận còn được chia cổ tức năm 2023	127,700,301,536	
8	Vốn điều lệ	689,986,200,000	
9	Tỷ lệ chia cổ tức	18%	
10	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2023	124,197,516,000	
11	Lợi nhuận còn giữ lại (11)=(5)-(6)-(10)	3,502,785,536	

* Ghi chú: Số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Người lao động; Quỹ thưởng của người quản lý nêu trên là tạm tính. Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm và rà soát để trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người lao động, Quỹ thưởng của Người quản lý tối đa 01 tháng lương bình quân của Người quản lý trên cơ sở tiền lương thực hiện năm 2023 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) công ty kiểm toán đã được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024, bao gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Trường hợp các đơn vị trên không còn nằm trong danh sách các đơn vị được Bộ Tài chính chấp thuận được phép kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024, hoặc Công ty không đàm phán, thỏa thuận được với các đơn vị này, ĐHĐCĐ ủy



quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được lựa chọn một trong số các đơn vị Kiểm toán khác nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 để bổ nhiệm là đơn vị Kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2024.

Điều 8. Thông qua quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024, cụ thể như sau:

- Quyết toán chi trả thù lao năm 2023 như sau:

STT	Họ và tên	Kế hoạch (đồng/người)	Số lượng (người)	Tổng thù lao kế hoạch (đồng)	Tổng thù lao thực hiện (đồng)	Tỷ lệ TH/KH
1	Hội đồng quản trị					
	Thành viên HĐQT	72.000.000	4	288.000.000	288.000.000	100%
2	Ban Kiểm soát					
	Thành viên BKS	60.000.000	2	120.000.000	120.000.000	100%
Tổng cộng				408.000.000	408.000.000	

- Kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 như sau:

Khi Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch: thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (hoạt động kiêm nhiệm), cụ thể như sau:

TT	Chức vụ	Thù lao/tháng (Đvt: đồng)
1	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm	8.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	6.000.000

Điều 9. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề và sửa đổi Điều lệ Công ty.

9.1. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề và sửa đổi Điều lệ Công ty (theo nội dung như Tờ trình đã trình bày tại Đại hội).

9.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, người đại diện pháp luật của Công ty hoàn tất các thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (có thể loại bỏ hoặc bổ sung các chi tiết trong ngành nghề dự kiến bổ sung, nếu Công ty không đáp ứng đủ điều kiện về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa) và các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

9.3. Giao Hội đồng quản trị cập nhật nội dung sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ của Công ty và ký ban hành Điều lệ sửa đổi.

Điều 10. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024-2029.

10.1 Danh sách trúng cử vào Hội đồng quản trị.

01. Ông Phạm Đức Thành
02. Ông Nguyễn Quang Tuyền
03. Ông Trần Đức Tân
04. Ông Đỗ Đức Mạnh
05. Bà Nguyễn Hồng Vân

10.2 Danh sách trúng cử vào Ban kiểm soát.

01. Ông Vũ Ngọc Long
02. Ông Bùi Xuân Ninh
03. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Điều 11. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 28/6/2024. Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền, theo chức năng nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết với số cổ phần biểu quyết tán thành là 43.160.031 cổ phần, chiếm: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nơi nhận:

- Toàn thể Cổ Đông qua Website cty;
- Các TVHĐQT, BKS;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT HCM, CBTT;
- Lưu: HĐQT, TCHC. *W/14*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Quang Tuyển

